|  |  |
| --- | --- |
| UBNDTỈNH QUẢNG TRỊ  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  Số: /BC-SNN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Quảng Trị, ngày tháng11 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnhquy địnhđịnh mức hỗ trợ Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2022; Kế số 297/KH-HĐND ngày 27/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp thứ 13 HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức hỗ trợ Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công vănsố 2668/SNN-TCHC ngày 11/11/2022 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức hỗ trợ Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025 trước khi trình UBND tỉnh; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số: 2074/BC-STP ngày 14/11/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

*(Tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định có phụ lục kèm theo)*

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức hỗ trợ Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022- 2025./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh (b/cáo);  - Sở Tư pháp;  - Giám đốc, các PGĐ;  - Chi cục PTNT;  - Lưu: VT, TCHC.  CVST Trần Văn Môn |  | **GIÁM ĐỐC**  **Hồ Xuân Hòe** |

**PHỤ LỤC**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày /11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| **TT** | **Ý kiến thẩm định** | **Tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Đối tượng, phạm vi, địa bàn điều chỉnh** |  |
|  | Nhất trí với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, địa bàn áp dụng của dự thảo nghị quyết. | Tiếp thu |
| **2** | **Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật** |  |
| a) | Về thẩm quyền ban hành văn bản |  |
|  | Căn cứ: điểm d khoản 7 Mục VI Điều 1 Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 (*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương);* Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản 3, Điều 27Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo nghị quyết Ban hành Quy định định mức hỗ trợ Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025 là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. | Tiếp thu |
| b) | Về nội dung: |  |
|  | Điểm d khoản 7 Mục VI Điều 1 Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030, quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh như sau: *“ Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các Chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình”*  Mặt khác, theo hướng dẫn tại văn bản số 5668/BNN-KTHTngày 29/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số [590/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-590-qd-ttg-2022-chuong-trinh-bo-tri-dan-cu-cac-vung-thien-tai-dac-biet-kho-khan-513639.aspx" \o "Quyết định 590/QĐ-TTg" \t "_blank) ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tại khoản 1 mục III công văn hướng dẫn như sau: *“Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương (xem xét, nghiên cứu vận dụng mức hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình vùng có nguy cơ thiên tai theo nội dung quy định tại**khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; vận dụng quy định mức hỗ trợ kinh phí di chuyển đối với hộ vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do theo quy định tại**điểm a khoản 1 Điều 7 và hỗ trợ địa bàn bố trí dân cư xen ghép với mức hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ theo quy định tại**khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025)”.*Đồng thời, tại hướng dẫn của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng chỉ quy định chung chung là: nguồn kinh phí lấy từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), do đó, đề nghị nghiên cứu để quy định định mức cho phù hợp, thống nhất với các chương trình, đề án khác, đảm bảo tính khả thi khi nghị quyết được ban hành. | Nghị quyết vận dụng theo Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT theo các mức hỗ trợ của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Tuy nhiên, vận dụng 3 mức theo Điều 15 tương ứng (miền núi: 40 triệu đồng/hộ, đồng bằng: 30 triệu đồng/hộ, ổn định tại chỗ: 20 triệu đồng/hộ).  Tại Khoản 1, Điều 15 quy định: “*Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khácmà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ”* , đa số các hộ dân đều đã có nhà ở kiên cố nhưng vì thiên tai, sạt lỡ…. buộc người dân phải từ bỏ nơi ở cũ chuyển đến nơi ở mới (trừ ổn định tại chỗ) nên áp dụng mức này đối với miền núi hợp lý (*giai đoạn trước đây theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 đã quy định: 30 triệu đồng/hộ đối với hộ di chuyển đến thôn, bản không sát biên giới và 35 triệu đồng/hộ đối với hộ di chuyển sát thôn, bản biên giới*). Do đó, để các hộ gia đình có điều kiện ổn định nơi ở mới thì mức hỗ trợ theo Dự thảo Nghị quyết là phù hợp). Hơn nữa việc đề xuất hỗ trợ như dự thảo Nghị quyết phù hợp với mức quy định tại Nghị quyết 70/2022/NQ- HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh.  Riêng đối với địa bàn di dân xen ghép: việc vận dụng 60 triệu đồng/hộ*“theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định: Ngân sách nhà nước hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép theo mức 60 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung: điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất)”* nếu vận dụng thực tế thì khó thực hiện vì 60 triệu đồng/hộ dùng điều chỉnh đất ở, đất sản xuất trong khi thực hiện công tác đền bù thì phải tuân thủ theo đơn giá quy định của UBND tỉnh nên khó thực hiện *(có thể cao hơn mức 60 triệu đồng/hộ hoặc cũng có thể thấp hơn 60 triệu đồng/hộ),* do đó cơ quan soạn thảo đề nghị thực hiện công trình cộng đồng theo dự toán thực tế của cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người dân. |
| **3)** | **Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản:** |  |
| a) | Về ngôn ngữ: |  |
|  | Về cơ bản, ngôn ngữ được sử dụng trong dự thảo đã đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. | Tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo |
| b) | Về kỹ thuật soạn thảo văn bản: |  |
|  | - Kỹ thuật viện dẫn văn bản: Đề nghị thực hiện theo đúng khoản 1 Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP). *( Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.”.*  - Đề nghị đánh số trang dự thảo Quy định cho phù hợp với quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo |
|  |  |  |